

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 72/QĐ-ĐHTĐ, ngày: 15 Tháng 12 năm 2025 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

- Tên chương trình: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Bachelor of Business Administration)

- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Mã ngành: 7340101
- Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo các Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe tốt, tư duy đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên số. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể thích ứng linh hoạt và đảm nhiệm hiệu quả các vị trí liên quan đến quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp trong nước, quốc tế và các tổ chức khác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Trang bị cho người học về kiến thức, kỹ năng và thái độ cụ thể như sau:

❖ Kiến thức:

- PEO1. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật chính trị, toán-tin, khoa học công nghệ, khoa học xã hội.
- PEO2. Người học được trang bị những kiến thức hỗ trợ cho ngành quản trị kinh doanh như tài chính, kế toán, marketing...
- PEO3. Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu cả lý thuyết và thực tế trong các lĩnh vực khác nhau của ngành quản trị kinh doanh.

❖ Kỹ năng:

- PEO4. Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực thi công việc tác nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

PEO5. Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp.

PEO6. Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

❖ **Thái độ:**

PEO7. Có tinh thần khởi nghiệp và tạo việc làm cho người khác trên tinh thần hợp tác hướng đến sự phát triển bền vững.

PEO8. Tuân thủ quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

PLO1. Hiểu một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học công nghệ để vận dụng vào hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

2.1.2. Kiến thức chuyên môn

PLO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản trị, kinh tế, thị trường và các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính, marketing... vào hoạt động tại doanh nghiệp.

PLO3. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh vào các hoạt động phân tích, đánh giá, điều hành, quản lý và thực thi các công việc tại các bộ phận trong doanh nghiệp

PLO4. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh trong việc phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng mềm

PLO5. Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

PLO6. Các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, linh hoạt thích nghi với môi trường thay đổi...

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO7. Có khả năng thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường thay đổi.

PLO8 Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp.

PLO9. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, hướng đến sự phát triển bền vững.

Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO10. Có khả năng tự chủ làm việc độc lập, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh; Có khả năng định hướng, hướng dẫn, giám sát người khác làm việc.

PLO11. Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PLO12. Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.3. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn và trong thời gian ngắn có thể đảm nhận được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận. Cụ thể có thể làm việc tại:

- + Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh;
- + Bộ phận quản trị dự án kinh doanh;
- + Bộ phận quản trị nhân lực;
- + Bộ phận quản trị bán hàng;
- + Bộ phận quản trị cung ứng hàng hóa và dịch vụ thương mại;
- + Các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (Marketing, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị chất lượng...) ở các doanh nghiệp.

- Nơi làm việc:

- + Các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, doanh nghiệp quy mô lớn, đa quốc gia.
- + Các tổ chức chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận.
- + Tham gia giảng dạy tại các trường cao đẳng

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Khả năng tự khởi tạo doanh nghiệp, tự doanh.
- Đủ điều kiện tiếp tục chuyển tiếp theo học sau đại học, du học nước ngoài hoặc tham gia chuyển tiếp sau đại học với các tổ chức đào tạo quốc tế hợp tác với nhà trường.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (chưa bao gồm các học phần điều kiện)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành kèm theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành kèm theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.

- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô).

Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần tích lũy

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình gồm 130 tín chỉ - TC (Chưa bao gồm các học phần điều kiện: (i) Giáo dục thể chất** (3TC); (ii) Giáo dục Quốc phòng** (8TC); (iii) Tiếng Anh tăng cường** (12TC); (iv)

Nhập môn khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo** (2TC); (v) Kỹ năng mềm** (4TC); (vi) Kỹ năng nghề nghiệp** (4TC).

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa bao gồm các học phần điều kiện)	35
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83
	- Kiến thức cơ sở ngành	23
	- Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc)	44
	- Kiến thức tự chọn (Tự chọn)	16
3	Thực tập tốt nghiệp, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp	12
	- Thực tập tốt nghiệp	4
	- Khóa luận tốt nghiệp/Tiểu luận tốt nghiệp + học thay thế	8
Tổng khối lượng		130

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	0301000292	Luật kinh tế	2	2	0
8	0301002902	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	0
9	0301002903	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
10	0301002904	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
11	0301003005	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3	
12	0301003006	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3	
13	0301003007	Tiếng Anh tăng cường 3**	3	3	
14	0301003008	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3	
15	0301002997	Năng lực số	3	1	2
16	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
17	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			

	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
19	0301000650	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8	5	3
20	0301002101	Toán cao cấp	3	3	0
21	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
22	0301003009	Nhập môn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	
23	KNM	Kỹ năng mềm**	4		0
24	KNN	Kỹ năng nghề nghiệp**	4		
25	0301003083	Trí tuệ nhân tạo	2	2	0
TỔNG CỘNG			68	38	10

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 83 tín chỉ

8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301002410	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301002411	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
4	0301002412	Nguyên lý kế toán	3	2	1
5	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	3	0
6	0301001078	Quản trị học	3	2	1
7	0301000687	Thuế	2	1	1
8	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2	1
9	0301003084	Phân tích dữ liệu và ra quyết định trong kinh doanh	3	2	1
TỔNG CỘNG			23	16	7

8.2.2 Kiến thức chuyên ngành: 44 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301000935	Tiếng Anh chuyên ngành 1- QTKD	3	3	0
2	0301000936	Tiếng Anh chuyên ngành 2- QTKD	3	3	0
3	0301001414	Quản trị Marketing	2	2	0
4	0301002558	Quản trị sản xuất	3	2	1
5	0301000438	Quản trị bán hàng	3	3	0
6	0301002534	Quản trị thương hiệu	3	3	0
7	0301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
8	0301003085	Quản lý dự án	3	2	1
9	0301003086	Quản trị hiệu suất làm việc của nhân viên trong doanh nghiệp	3	3	0
10	0301002561	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	0
11	0301001649	Quản trị tài chính	3	3	0
12	0301001788	Quản trị hệ thống doanh nghiệp	2	2	0
13	0301002560	Thanh toán quốc tế	3	2	1
14	0301003087	Các chuyên đề quản trị kinh doanh	2	2	0

15	0301001831	Thực tập nghề nghiệp - QTKD	4		4
TỔNG CỘNG			44	37	9

8.2.3 Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của chuyên ngành: 16 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
2	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2	0
3	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2	2	0
4	0301001832	Truyền thông Marketing	3	2	1
5	0301002562	Quản lý chuỗi cung ứng và Logistic	3	3	0
6	0301000161	Hành vi tổ chức	3	3	0
7	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	2	0
8	0301003088	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2	2	0
9	0301003089	Tiếp thị trên nền tảng số	3	2	1
10	0301003090	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội	3	3	0
11	0301003091	Quản trị và xử lý khủng hoảng truyền thông thời 4.0	2	2	0
12	0301003092	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	2	0
13	0301002561	Quản trị chất lượng	3	2	1
14	0301003093	Hành vi người tiêu dùng	2	2	0
15	0301003094	Quản trị sự thay đổi và quản trị rủi ro	2	2	0
16	0301003095	Văn hóa và môi trường kinh doanh số	2	2	0
17	0301000534	Thương mại điện tử	2	2	0
TỔNG CỘNG			16		

8.3 Thực tập tốt nghiệp, khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001755	Thực tập tốt nghiệp - QTKD	4		4
2	0301002563	2.1 Khóa luận tốt nghiệp - QTKD	8	8	0
		2.2 Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD và học 02 học phần thay thế			
	0301002565	2.2.1 Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD	4	4	
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4		
TỔNG CỘNG			12	6-8	4-6

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2	0	30	30	0
2	Năng lực số	3	1	2	60	30	30

3	Nguyên lý Marketing	3	3	0	45	45	0
4	Toán cao cấp	3	3	0	45	45	0
5	Quản trị học	3	2	1	60	30	30
6	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		14+4	12+3	2+1	285	225	60

Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Luật kinh tế	2	2	0	30	30	0
2	Thống kê kinh doanh	3	2	1	60	30	30
3	Kinh tế vi mô	3	2	1	60	30	30
4	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	0	45	45	0
5	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	45	45	0
6	Giáo dục thể chất 1- Bóng chuyền**	1		1	30	0	30
	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**						
	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**						
7	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3		45	45	
TỔNG CỘNG		14+4	13+2	2+1	315	225	90

Học kỳ 3:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8		8	240		240
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0	45	45	0
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	30	0
4	Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền**	1		1	30	0	30
	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**						
	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**						
5	Tiếng Anh tăng cường 3**	3			45	45	
6	Trí tuệ nhân tạo	2	2		30	30	
TỔNG CỘNG		7+12	7+3	9	420	150	270

Học kỳ 4:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0	45	45	0
2	Hành vi người tiêu dùng	3	3	0	45	45	
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	30	0
4	Nguyên lý kế toán	3	2	1	60	30	30
5	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	60	30	30
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2	1	60	30	30

7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1	30	0	30
	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**						
	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						
8	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3		45	45	
9	Nhập môn khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	0	30	30	0
10	Kỹ năng mềm**	4	4		60	60	
TỔNG CỘNG		17+10	15+9	2+1	465	345	120

Học kỳ 5:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Thuế	2	1	1	45	15	30
2	Quản trị sản xuất	3	3	0	45	45	0
3	Tiếng Anh chuyên ngành 1- QTKD	3	3	0	45	45	0
4	Phân tích dữ liệu và ra quyết định trong kinh doanh	3	2	1	60	30	30
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0	30	30	0
TỔNG CỘNG		13	11	2	225	165	60

Học kỳ 6:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
	Học phần bắt buộc	9	8	1	150	130	30
1	Quản trị Marketing	2	2	0	30	30	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	30	0
3	Quản trị hệ thống doanh nghiệp	2	2	0	30	30	0
4	Tiếng Anh chuyên ngành 2- QTKD	3	3	0	45	45	0
	Học phần tự chọn	5	3-5	2	75-105	45-75	60
5	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội	3	3	0	45	45	0
6	Tiếp thị trên nền tảng số	3	2	1	60	30	30
7	Quản trị sự thay đổi và quản trị rủi ro	2	2	0	30	30	0
8	Nhượng quyền thương mại	2	1	1	45	15	30
TỔNG CỘNG		14	11-13	1-2	210-255	160-195	30-90

Học kỳ 7:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
	Học phần bắt buộc	9	6	3	180	90	90
1	Thanh toán quốc tế	3	2	1	60	30	30
2	Quản trị hiệu suất làm việc của nhân viên trong doanh nghiệp	3	2	1	60	30	30

3	Quản trị tài chính	3	2	1	60	30	30
	Học phần tự chọn	5	5	1	75-90	60-75	30
4	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	2	0	30	30	0
5	Quản trị chất lượng	3	2	1	60	30	30
6	Nghiên cứu Marketing	3	3	0	45	45	0
7	Truyền thông marketing	3	2	1	60	30	30
TỔNG CỘNG		14	11	4	255-270	150-165	120

Học kỳ 8:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
	Học phần bắt buộc	8	3	6	210	60	180
1	Các chuyên đề quản trị kinh doanh	2	1	1	30	30	30
2	Thực tập nghề nghiệp - QTKD	4	0	4	120	0	120
3	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	0	30	30	0
	Học phần tự chọn	5	5	0	75	75	0
4	Quản lý chuỗi cung ứng và Logistic	3	3	0	45	45	0
5	Quản trị và xử lý khủng hoảng truyền thông thời 4.0	2	2	0	30	30	0
6	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2	2	0	30	30	0
7	Hành vi tổ chức	3	3	0	45	45	0
TỔNG CỘNG		13	8	6	255	195	180

Học kỳ 9:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Quản trị thương hiệu	3	2	1	60	30	30
2	Quản trị chiến lược	3	3	0	45	45	0
3	Quản lý dự án	3	2	1	60	30	30
4	Quản trị bán hàng	3	3	0	45	45	0
TỔNG CỘNG		12	10	2	210	150	60

Học kỳ 10:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		Tổng	LT	TH	Tổng	LT	TH
1	Kỹ năng nghề nghiệp**	4		4	120		120
2	Thực tập tốt nghiệp - QTKD						
3	Loại hình 1:						
	Khóa luận tốt nghiệp - QTKD	8		8	240		240
	Loại hình 2:	8					
	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD	4		4	120		120
	Học phần thay thế (chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4					

1. Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	2		30	30	
2. Khởi sự kinh doanh	2	2		30	30	
3. Văn hóa và môi trường kinh doanh số	2	2		30	30	
4. Thương mại điện tử	2	2	0	30	30	0
TỔNG CỘNG	12 +4	6	4-6	540	60	480

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 Tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 tiết đối với học phần thực tập/ thực hành

= 45 tiết thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

10.1 Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần.

10.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

10.3 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá ^{ng}



Trần Long Luận

